

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Bà Trần Thị Trúc Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Hoàng Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị P, sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: Tổ G 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 4 phố L, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1973; nơi đăng ký thường trú: Tổ G 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 39/30 đường N, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 15 tháng 3 năm 2024, bản tự khai ngày 10 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị P trình bày:

Bà và ông Đoàn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 20/01/2000. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Điều đó đã khiến cho cuộc sống hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng nên hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận Kiến An giải quyết cho bà được ly hôn ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là Đoàn Mạnh T, sinh ngày 11/7/2000 và Đoàn Thu T1, sinh ngày 03/6/2007. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Thu T1 đến khi thành niên; đối với con chung Đoàn Mạnh T hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông C không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo và giấy triệu tập cho bị đơn là ông Đoàn Mạnh C. Ông C không đến Tòa án, nhưng có gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Ông C đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Theo kết quả xác minh tại tổ dân phố nơi bà Lê Thị P và ông Đoàn Văn C sinh sống cũng như ý kiến của gia đình: Quá trình chung sống tại địa phương, bà P và ông C có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do hai bên có sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị P được ly hôn ông Đoàn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung là Đoàn Thu T1, sinh ngày 03/6/2007 cho bà Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; đối với con chung là Đoàn Mạnh T, sinh ngày 11/7/2000 hiện đã thành niên, bà P không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Bà Lê Thị P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Đoàn Văn C, cư trú tại: Số 39/30 đường N, phường P, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa, ông Đoàn Văn C vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Đoàn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2000, ngày 20 tháng 01 năm 2000 nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của bà P và trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông bà có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và lối sống. Vì thế đã khiến cho hôn nhân của hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau. Về phía ông Đoàn Văn C, mặc dù biết việc bà P xin ly hôn mình tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia hòa giải, điều đó cho thấy ông C cũng không còn quan tâm đến cuộc

hôn nhân của ông và bà P. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P về việc xin ly hôn với ông Đoàn Văn C là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Bà Lê Thị P và ông Đoàn Văn C có 02 con chung là Đoàn Mạnh T, sinh ngày 11/7/2000 và Đoàn Thu T1, sinh ngày 03/6/2007. Hội đồng xét xử thấy con chung chưa thành niên Đoàn Thu T1 là con gái, hiện đang ở với bà P và được bà P chăm sóc chu đáo; ông C không có ý kiến gì về việc nuôi con khi ly hôn; cháu T1 lại có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đoàn Thu T1 khi ly hôn. Đối với con chung Đoàn Mạnh T đã thành niên và có khả năng lao động, bà P không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Bà Lê Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị P được ly hôn ông Đoàn Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Đoàn Thu T1, sinh ngày 03/6/2007 cho bà Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với con chung Đoàn Mạnh T, sinh ngày 11/7/2000, hiện đã thành niên và có khả năng lao động, bà P không yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản: Bà Lê Thị P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Lê Thị P đã nộp theo biên lai thu số 0004812 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Bà Lê Thị P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường P;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình

